

Số: 153/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 23 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai
áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 40/TT-STNMT ngày 23/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 (01 thủ tục hành chính), Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 (03 thủ tục hành chính) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTTTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh Nguyễn Văn Quân (VIC);
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- NNTN (VIC), CCHC (Đ15) (VIC);
- Lưu: VT, M.A71.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	<p>- Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày; đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 10 ngày; trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai.</p> <p>- Thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu; đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh</p>	<p>Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất) để được hướng dẫn và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, lễ), cụ thể như sau:</p> <p>- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.</p> <p>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</p>	Không	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc Hội (Luật Đất đai năm 2013);</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ);</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành</p>	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

		tế-xã hội khó khăn, thì không quá 45 ngày mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không có đơn gửi người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.			Luật đất đai (Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ).	
02	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh) và không bao gồm thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế phối hợp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất) để được hướng dẫn và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, lễ), cụ thể như sau: - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất (Thông tư số	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

			<p>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</p>		<p>30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);</p> <p>- Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh).</p>
--	--	--	--	--	---

* Quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh), cụ thể như sau:

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng UBND cấp huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trong ngày, trường hợp hồ sơ nhận sau 16 giờ thì chuyển hồ sơ trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo; thời gian tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là 0,5 (không phân năm) ngày làm việc;

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý hồ sơ trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất; tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (nếu cần thiết);

Trong thời gian kiểm tra tính pháp lý hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, xác định người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác theo quy định tại khoản 3, Điều 14 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến thì cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm

<p>việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc (không kể thời gian xin ý kiến các Bộ, ngành Trung ương) kể từ ngày nhận đầy đủ văn bản đóng góp ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến thẩm định góp ý và có văn bản thẩm định chuyển đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; - Trong thời gian 0,5 (không phải năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm chuyển văn bản thẩm định đến hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư để lập hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất theo quy định. 						
03	<p>Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất</p>	<p>- Không quá 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại Điều 5 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh) và không bao gồm thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế phối hợp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.</p> <p>- Không quá 30 ngày đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.</p>	<p>Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất) để được hướng dẫn và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút. - Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút. 	<p>1. Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất tại các phường, thị trấn, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ; tại các xã, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ. - Đất ở và các loại đất khác tại các phường, thị trấn, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ; tại các xã mức thu 160.000 đồng/hồ sơ. <p>2. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND tỉnh về Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài 	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

				<p>với đất tại các phường, thị trấn, mức thu 100.000 đồng/giấy; tại các xã, mức thu 50.000 đồng/giấy.</p> <p>- Cấp mới Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) tại các phường, thị trấn, mức thu 25.000 đồng/giấy; tại các xã, mức thu 12.500 đồng/giấy.</p>	<p>sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND tỉnh).</p> <p>- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND tỉnh về Phi thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND tỉnh);</p> <p>- Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh.</p>	
<p><i>* Quy định tại Điều 5 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:</i></p> <p>- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trong ngày, trường hợp hồ sơ nhận sau 16 giờ thì chuyển hồ sơ trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo; thời gian tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là 01 (một) ngày làm việc.</p> <p>- Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, xem xét các nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất đã gửi người sử dụng đất. Nếu đủ điều kiện theo quy định pháp luật, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.</p> <p>- Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc</p>						

cập nhật kết quả trích đo địa chính (nếu có) vào cơ sở dữ liệu đất đai hoặc thực hiện trích lục bản đồ địa chính; sau đó chuyển hồ sơ, trích lục đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ trích lục, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập tờ trình, dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất và chuyển toàn bộ hồ sơ trình đến UBND cấp huyện.

- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ trình, UBND cấp huyện xem xét ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất và chuyển trả kết quả về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời gian không quá 1,5 (một phẩy năm) ngày làm việc sau khi nhận quyết định giao đất, cho thuê đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai Quyết định, tổ chức bàn giao đất tại thực địa và chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận sau 16 giờ trong ngày thì chuyển kết quả trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo.

- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được Quyết định, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiến hành lập "Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất" kèm theo trích lục chuyển đến cơ quan Thuế.

- Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan Thuế ban hành các thông báo về nghĩa vụ tài chính thông báo cho hộ gia đình, cá nhân và gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; đối với trường hợp thuê đất thì thông báo đơn giá của chu kỳ thuê đất đầu tiên chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở ký Hợp đồng thuê đất.

- Đối với trường hợp thuê đất thì trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo đơn giá thuê đất từ cơ quan Thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường hoàn tất Hợp đồng thuê đất và chuyển Hợp đồng thuê đất đến cơ quan Thuế và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- Trong thời gian 0,5 (không phẩy năm) ngày làm việc sau khi nhận được giấy tờ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (hoặc có văn bản của cơ quan Thuế về việc được miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ) từ người sử dụng đất, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyên chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được giấy tờ chứng minh người sử dụng đất đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (hoặc văn bản của cơ quan Thuế về việc được miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ) do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thẩm tra hồ sơ, thực hiện in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) và chuyển hồ sơ trình đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển trả kết quả về Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển về Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Thời gian thực hiện tại

		<p>UBND cấp huyện không quá 01 (một) ngày làm việc và tại Phòng Tài nguyên và Môi trường không quá 01 (một) ngày làm việc.</p> <p>- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả, các cơ quan có trách nhiệm thực hiện những công việc sau:</p> <p>+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quét, lưu Giấy chứng nhận và chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và giao trả kết quả trong ngày làm việc, nếu nhận Giấy chứng nhận sau 16 giờ trong ngày thì chuyển trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.</p>				
04	<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân</p>	<p>- Không quá 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh) và không bao gồm thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế phối hợp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.</p> <p>- Không quá 25 ngày đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.</p>	<p>Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất) để được hướng dẫn và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, lễ), cụ thể như sau:</p> <p>- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.</p> <p>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</p>	<p>1. Đối với trường hợp chỉnh lý biến động</p> <p>1.1. Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>- Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất tại các phường, thị trấn, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ; tại các xã, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Đất ở và các loại đất khác tại các phường, thị trấn, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ; tại các xã mức thu 160.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>1.2 Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</p> <p>Chứng nhận đăng ký biến động đất đai tại các phường,</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND tỉnh;</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

			<p>thị trấn, mức thu 25.000 đồng/lần; tại các xã mức thu 12.500 đồng/lần.</p> <p>2. Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận</p> <p>2.1. Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất tại các phường, thị trấn, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ; tại các xã, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ. - Đất ở và các loại đất khác tại các phường, thị trấn, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ; tại các xã mức thu 160.000 đồng/hồ sơ. <p>2.2 Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất tại các phường, thị trấn, mức thu 100.000 đồng/giấy; tại các xã, mức 	<p>. Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh.</p>
--	--	--	---	---

			thu 50.000 đồng/giấy. - Cấp mới Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) tại các phường, thị trấn, mức thu 25.000 đồng/giấy; tại các xã, mức thu 12.500 đồng/giấy.	
<p><i>* Quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả) có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trong ngày làm việc, trường hợp hồ sơ nhận sau 16 giờ trong ngày thì chuyển hồ sơ trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo; thời gian tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là 0,5 (không phải năm) ngày làm việc; - Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. Nếu đủ điều kiện theo quy định pháp luật, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; - Trong thời gian 0,5 (không phải năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cập nhật kết quả trích đo địa chính (nếu có) vào cơ sở dữ liệu đất đai hoặc thực hiện trích lục bản đồ địa chính; sau đó chuyển hồ sơ, trích lục đến Phòng Tài nguyên và Môi trường; - Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ trích lục, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển toàn bộ hồ sơ trình đến UBND cấp huyện; - Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ trình, UBND cấp huyện xem xét ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển trả kết quả về Phòng Tài nguyên và Môi trường; - Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc sau khi nhận quyết định giao đất, cho thuê đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai Quyết định, tổ chức bàn giao đất tại thực địa và chuyển kết quả cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận sau 16 giờ trong ngày thì chuyển kết quả trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo; 				

- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được Quyết định, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập "Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất" kèm theo trích lục chuyển đến cơ quan Thuế;
- Trong thời gian không quá 1,5 (một phẩy năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan Thuế ban hành các thông báo về nghĩa vụ tài chính thông báo cho hộ gia đình, cá nhân và chuyển thông báo đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; đối với trường hợp thuê đất thì thông báo đơn giá của chu kỳ thuê đất đầu tiên chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở ký Hợp đồng thuê đất;
- Đối với trường hợp thuê đất thì trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo đơn giá thuê đất từ cơ quan Thuế, Phòng Tài nguyên và Môi trường hoàn tất Hợp đồng thuê đất và chuyển Hợp đồng thuê đất đến cơ quan Thuế và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;
- Trong thời gian 0,5 (không phẩy năm) ngày làm việc sau khi nhận được giấy tờ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (hoặc có văn bản của cơ quan Thuế về việc được miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ) từ người sử dụng đất, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyên chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;
- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được giấy tờ chứng minh người sử dụng đất đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (hoặc văn bản của cơ quan Thuế về việc được miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ) do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thẩm tra hồ sơ, chỉnh lý biên động vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc thực hiện in Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ trình đến Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp người sử dụng đất đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận;
- Trong thời gian không quá 1,5 (một phẩy năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến, Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, xem xét ký Giấy chứng nhận theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường và chuyển trả kết quả về Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.
- Trong thời gian 0,5 (không phẩy năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả, các cơ quan có trách nhiệm thực hiện những công việc sau:
 - + Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quét, lưu Giấy chứng nhận và chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và giao trả kết quả trong ngày làm việc, nếu nhận Giấy chứng nhận sau 16 giờ trong ngày thì chuyển trong buổi sáng ngày làm việc tiếp theo;
 - + Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1/QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	<p>- Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày; đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 10 ngày; trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai.</p> <p>- Thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu; đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh</p>	<p>Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất) để được hướng dẫn và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, lễ), cụ thể như sau:</p> <p>- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.</p> <p>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</p>	Không	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc Hội (Luật Đất đai năm 2013);</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ);</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành</p>	<p>Những bộ phần tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2555/QĐ- BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

		tế-xã hội khó khăn, thì không quá 45 ngày mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không có đơn gửi người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.			Luật đất đai (Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ).	
02	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh) và không bao gồm thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế phối hợp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất) để được hướng dẫn và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ, lễ), cụ thể như sau: - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất (Thông tư số	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ
TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Số hồ sơ TTHC bị thay thế	Tên thủ tục hành chính bị thay thế
I.	Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 05/7/2017	
1.	T-CMU- 289779-TT	Thủ tục Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
II.	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 22/11/2017	
2.	CMU- 290441	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
3.	CMU- 290442	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
4.	CMU- 290440	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân

**TRÍCH NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2555/QĐ-BTNMT NGÀY 20/10/2017
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Làm cơ sở để sao y, thực hiện công khai và hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)

C. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

1. Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

*** Trình tự thực hiện:**

- Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất).
- Chủ tịch UBND cấp huyện giao trách nhiệm cơ quan tham mưu giải quyết.
- Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
- Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.

*** Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;
- Biên bản hòa giải tại UBND cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;
- Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp;
- Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban của UBND huyện.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quý định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

2. Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.

*** Trình tự thực hiện:**

(1) Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất).

(2) Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa.

(3) Phòng Tài nguyên và Môi trường có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất.

*** Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

(1) Đơn xin giao đất, cho thuê đất.

(2) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất).

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):** Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

Mẫu số 01. Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN ¹....

Kính gửi: UBND ²

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ³
.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m²):.....
6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

² Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

³ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/dăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

⁴ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

3. Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

*** Trình tự thực hiện:**

Người xin giao đất, thuê đất lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất đến Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất).

(1) Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người xin giao đất, thuê đất lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính.

(2) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất.

(3) Người được giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, người được thuê đất nộp tiền thuê đất.

(4) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(5) Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

(6) Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

*** Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn xin giao đất, cho thuê đất;

b) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất).

c) Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định giao đất (đối với trường hợp giao đất).
- Quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).
- Giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):**

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.
- Quyết định giao đất theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.
- Quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.
- Hợp đồng cho thuê đất theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.**

Mẫu số 01. Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN⁵

Kính gửi: UBND⁶

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất⁷
.....
.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m²):.....
6. Để sử dụng vào mục đích:⁸
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
.....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

⁵ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

⁶ Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

⁷ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

⁸ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

Mẫu số 02. Quyết định giao đất

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày..... thángnăm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao đất ...**

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Tổ chức;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm củađược phê duyệt tại Quyết định số của UBND

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... ngày...tháng...năm..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho ... (ghi tên và địa chỉ của người được giao đất) ...m² đất tại xã/phường/thị trấn ..., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích

Thời hạn sử dụng đất là ... , kể từ ngày... tháng ... năm ... ⁽⁹⁾

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ ... do ... lập ngày ... tháng ... năm ... và đã được thẩm định.

Hình thức giao đất ⁽¹⁰⁾.....

⁽⁹⁾ Ghi: đến ngày... tháng ... năm ...đối với trường hợp giao đất có thời hạn.

Giá đất, tiền sử dụng đất phải nộp(đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất).⁽¹⁾

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất (nếu có):

Điều 2: Giaotổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được giao đất nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;
2. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
3. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;
4. Chính lý hồ sơ địa chính.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND và người được giao đất có tên tại Điều I chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND..... chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của/.

Nơi nhận:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁽¹⁰⁾ Ghi rõ các trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất/giao đất có thu tiền sử dụng đất/chuyển từ thuê đất sang giao đất/chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất....

⁽¹¹⁾ Đối với trường hợp không ban hành riêng quyết định phê duyệt giá đất cụ thể.

Mẫu số 03. Quyết định cho thuê đất

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho thuê đất ...

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Tổ chức;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm củađược phê duyệt tại Quyết định số của UBND

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... ngày...tháng...năm..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho ... (ghi tên và địa chỉ của người được thuê đất) thuêm² đất tại xã/phường/thị trấn ..., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích

Thời hạn sử dụng đất là ..., kể từ ngày... tháng ... năm ...đến ngày... tháng ... năm ...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ ... dolập ngày ... tháng ... năm ... và đã được thẩm định.

Hình thức thuê đất: ⁽¹²⁾

¹² Ghi rõ: Trả tiền thuê đất hằng năm hay trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; chuyển từ giao đất sang thuê đất....

Giá đất, tiền thuê đất phải nộp

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất (nếu có):

Điều 2: Giao..... có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được thuê đất nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ký hợp đồng thuê đất với.....

3. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chính lý hồ sơ địa chính.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND và người được thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của

Nơi nhận:

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Hợp đồng cho thuê đất

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày..... thángnăm

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng ...năm...của UBND.....về việc cho thuê đất.....¹³

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất:

.....

II. Bên thuê đất là:

(Đối với hộ gia đình thì ghi tên chủ hộ, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; đối với cá nhân thì ghi tên cá nhân, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, số chứng minh nhân dân, tài khoản (nếu có); đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ tên và chức vụ người đại diện, số tài khoản.....).

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất m² (ghi rõ bằng số và bằng chữ, đơn vị là mét vuông)

Tại ... (ghi tên xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất cho thuê).

¹³ Ghi thêm văn bản công nhận kết quả đấu thầu; Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận đấu tư

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ đolập ngày ... tháng ... năm ... đã được ... thẩm định.

3. Thời hạn thuê đất ... (ghi rõ số năm hoặc số tháng thuê đất bằng số và bằng chữ phù hợp với thời hạn thuê đất), kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

4. Mục đích sử dụng đất thuê:.....

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là ... đồng/m²/năm, (ghi bằng số và bằng chữ).

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày ... tháng ... năm.....

3. Phương thức nộp tiền thuê đất:

4. Nơi nộp tiền thuê đất:

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này ¹⁴

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê..... thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có) ¹⁵

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

¹⁴ Ghi thêm theo Giấy chứng nhận đầu tư... đối với trường hợp bên thuê đất có Giấy chứng nhận đầu tư

¹⁵ Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có) ¹⁶

.....

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày...../.

Bên thuê đất

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có))

Bên cho thuê đất

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

¹⁶ Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan

4. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân

*** Trình tự thực hiện:**

(1) Người sử dụng đất nộp đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất đến Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (thuộc địa bàn nơi có đất).

(2) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

(3) Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

(4) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên thì UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh chấp thuận trước khi UBND cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(5) Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

(6) Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

*** Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

(1) Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hộ gia đình, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):**

- Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

- Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

Mẫu số 01: Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... thángnăm

ĐƠN ¹⁷....

Kính gửi: UBND ¹⁸

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ¹⁹
.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m²):.....
6. Để sử dụng vào mục đích: ²⁰
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹⁷ Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

¹⁸ Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

¹⁹ Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

²⁰ Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

Mẫu số 05. Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày..... thángnăm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm củađược phê duyệt tại Quyết định số của UBND

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... ngày...tháng...năm..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ... (ghi tên và địa chỉ của người được giao đất) ...được chuyển mục đích sử dụng đất tại xã/phường/thị trấn ..., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh....., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương để sử dụng vào mục đích

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ ... dolập ngày ... tháng ... năm ...và đã được ... thẩm định.

Thời hạn sử dụng đất:.....

Giá đất tính tiền sử dụng đất/tiền thuê đất phải nộp:²¹

Hạn chế trong việc sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất.....

²¹ Ghi: Đối với trường hợp không ban hành riêng quyết định phê duyệt giá đất cụ thể.

Điều 2: Giao.....có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Hướng dẫn.....người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;
2. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
3. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;
4. Chính lý hồ sơ địa chính.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...tháng... năm...

Chánh Văn phòng UBND, ... và người được sử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)